CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Bến xe Miền Tây

Ngày 31/12/2025	279,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.0%	**1.9%**	**-**

DT thuần
Q4/25
42.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.30| -2.9%
YoY: ▲ 3.30| 8.5%

LN thuần
Q4/25
21.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.80| -14.8%
YoY: ▲ 3.00| 16.5%

LN sau thuế
Q4/25
18.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.00| -14.0%
YoY: ▲ 2.80| 17.6%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
60.9%
YoY: +/-▲ 1.0%

ROE
2025
30.3%
YoY: +/-▼ 2.0%

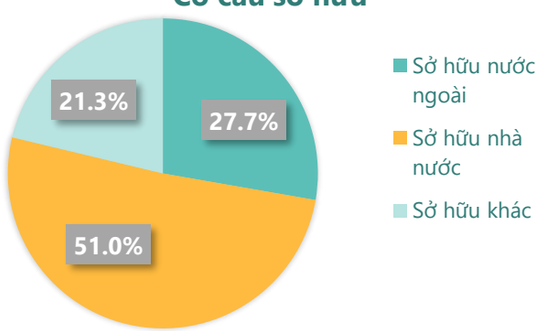
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	212,541 - 346,363
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	838
Số lượng CPLH (CP)	2,999,967
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,455
Sở hữu nước ngoài	27.7%
Beta	0.39
EPS	27,818
P/E	10.0

DT thuần
2025
172
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 14.0| 8.6%

LN thuần
2025
98.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.00| 10.2%

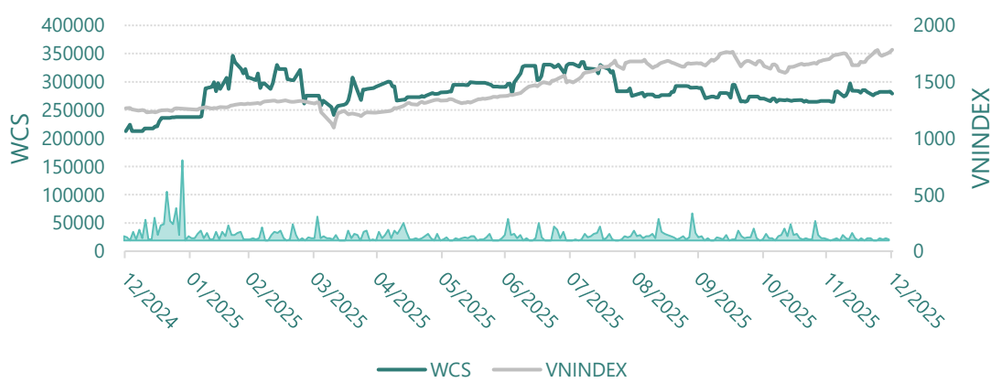
LN sau thuế
2025
83.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.00| 10.6%

Cơ cấu sở hữu

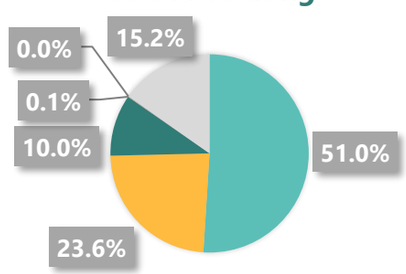


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

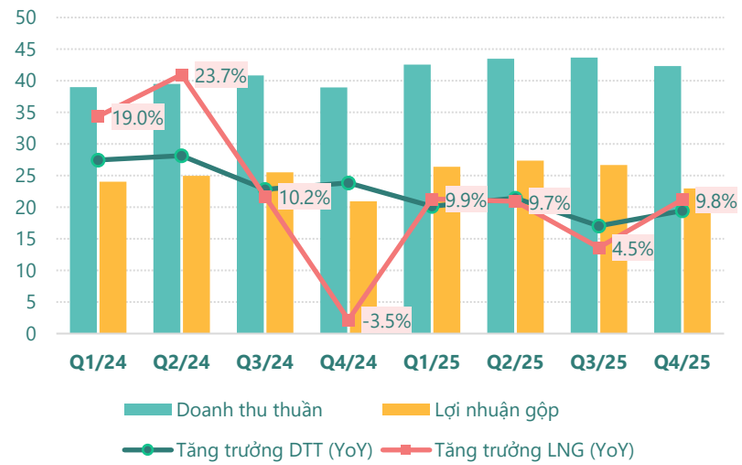


- Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - Công ty TNHH MTV
- America LLC
- CTCP Đầu tư Thái Bình
- Trần Văn Phương
- Nguyễn Văn Tiến

(Nguồn: fireant.vn)

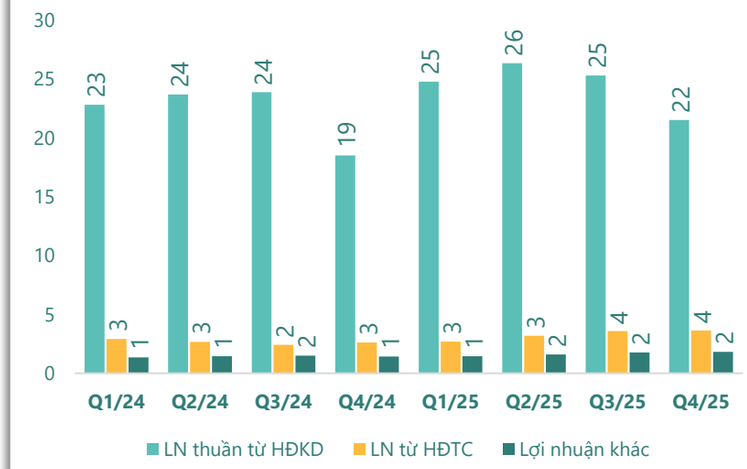
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



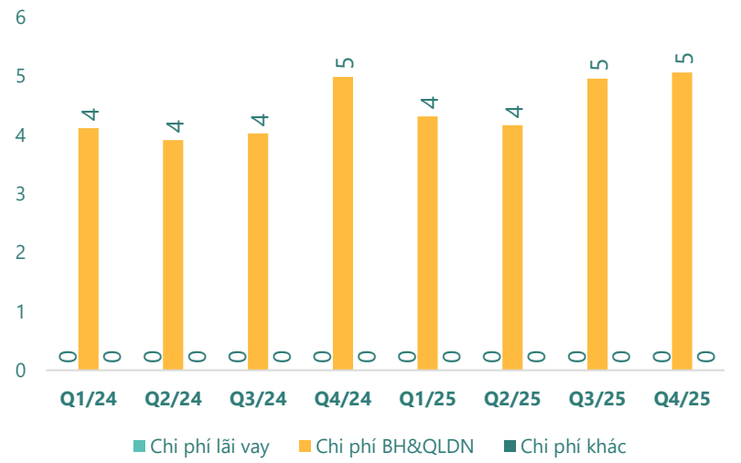
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



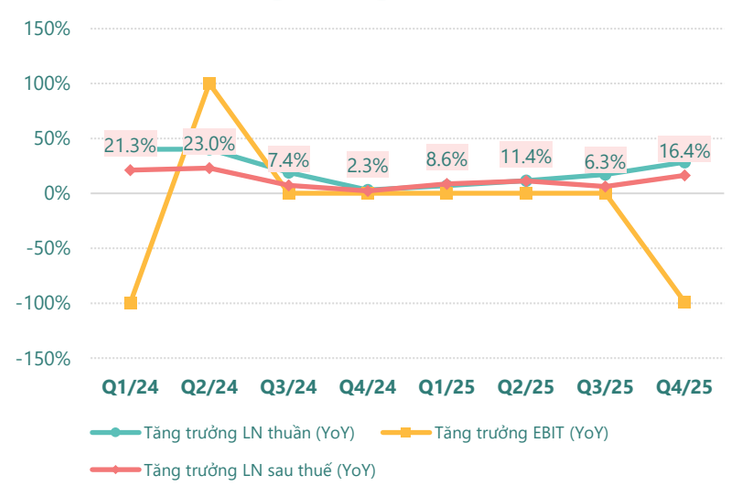
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



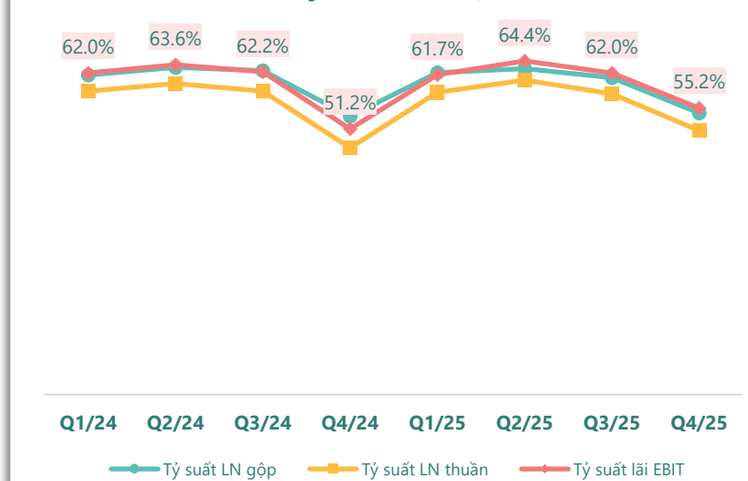
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



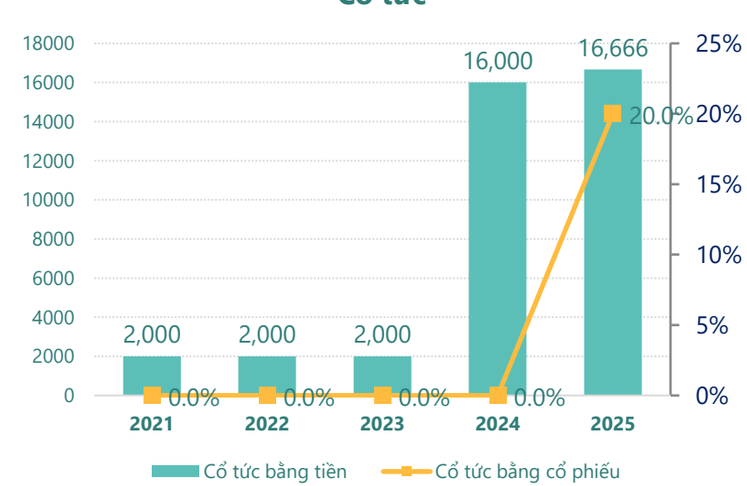
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

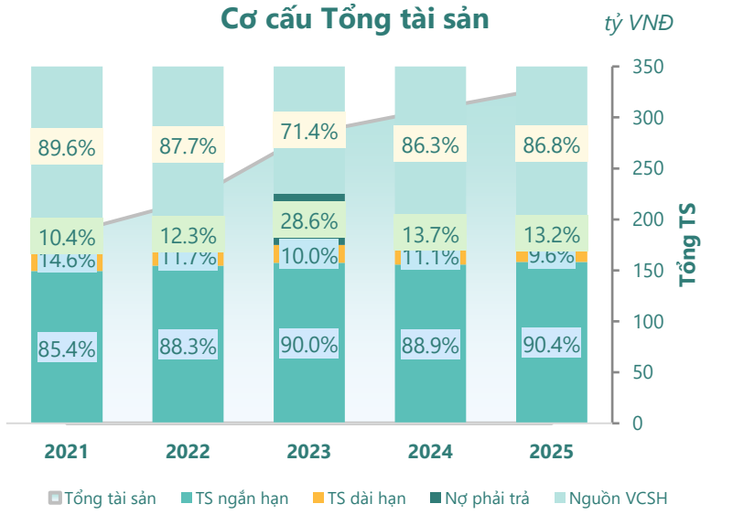
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

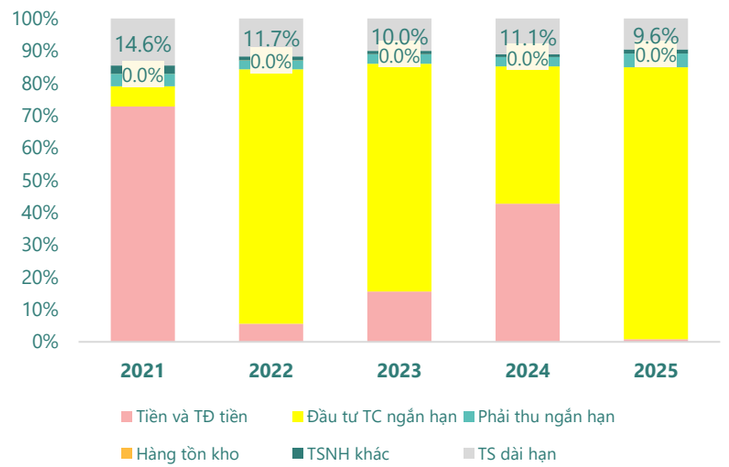
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



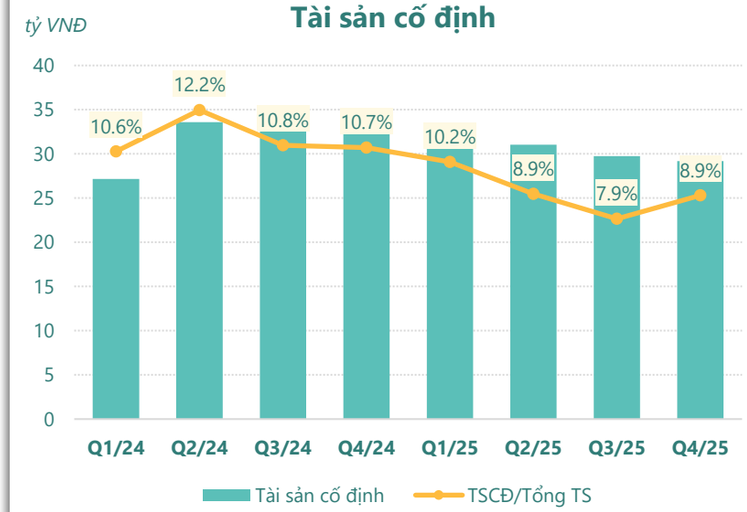
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



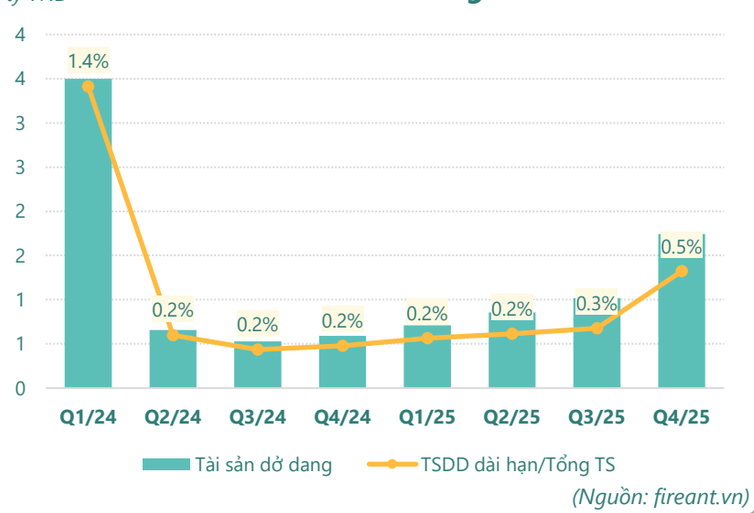
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



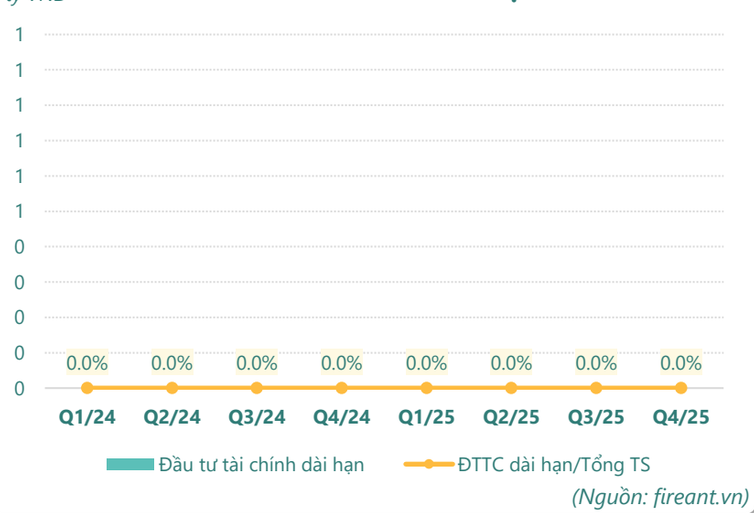
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



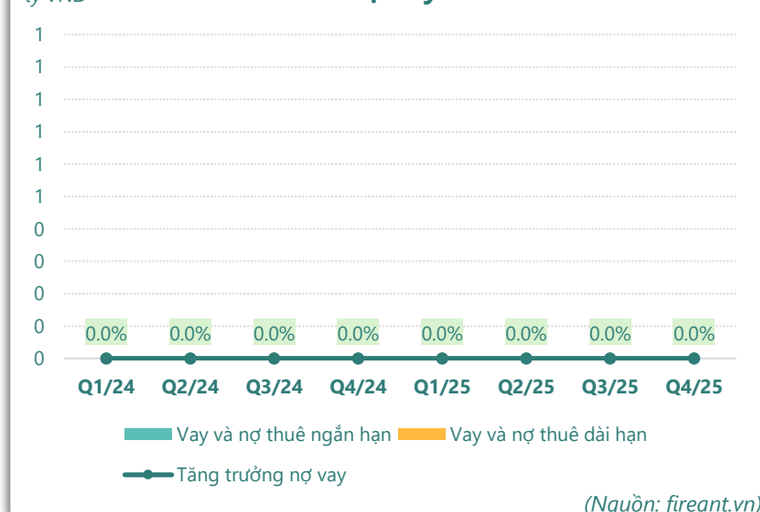
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

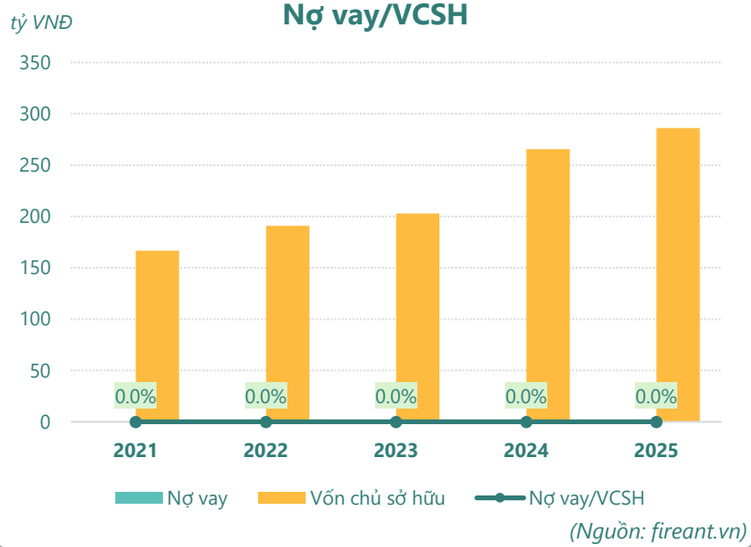
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

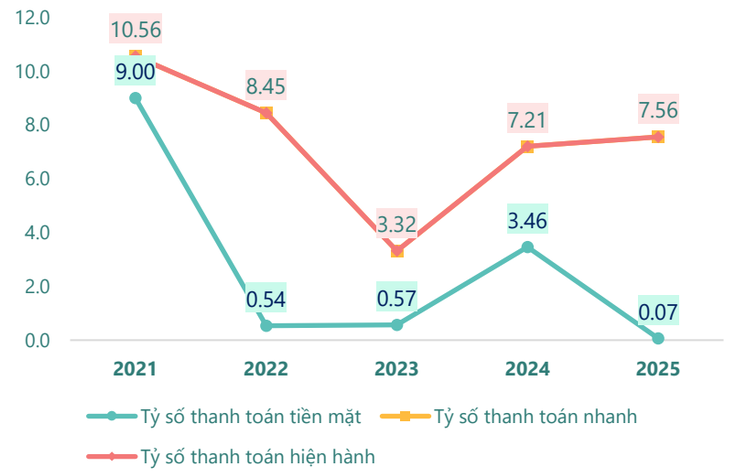
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



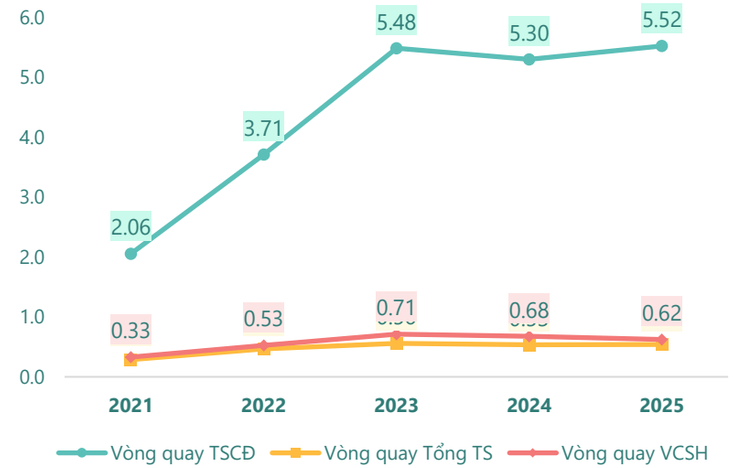
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



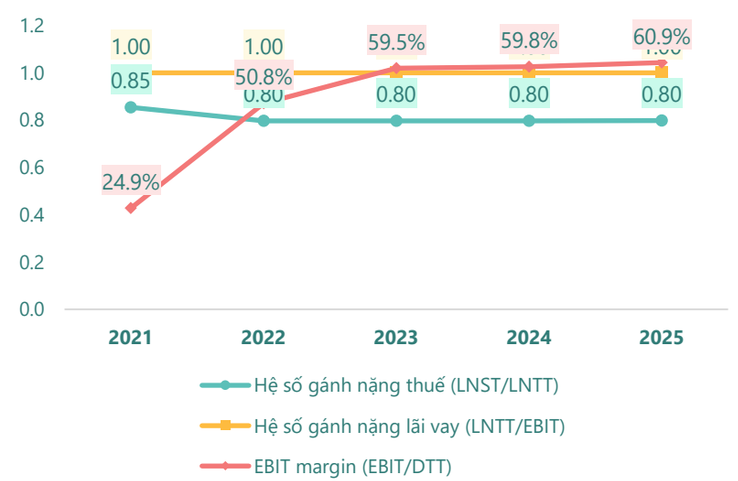
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



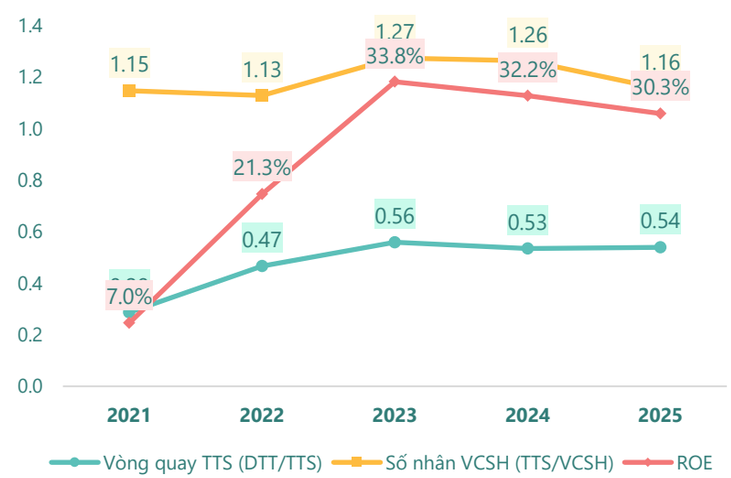
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



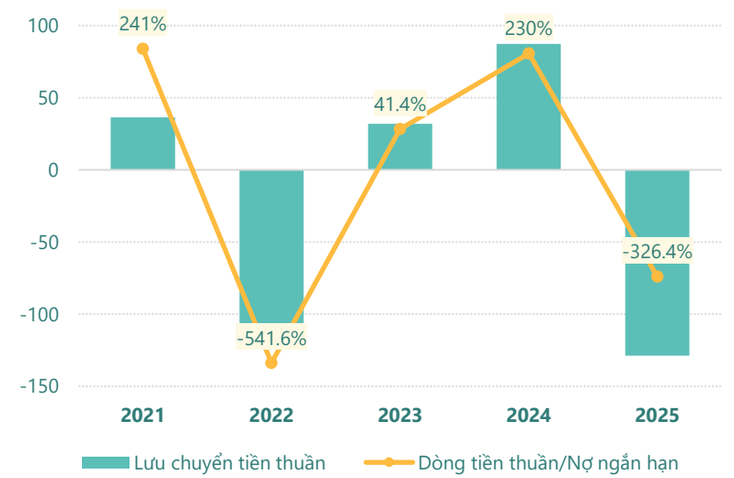
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**42.3**	**39.0**	**8.5%**	**172**	**158**	**8.6%**
Giá vốn hàng bán	19.3	18.0	7.5%	68.6	62.9	9.0%
Lợi nhuận gộp	23.0	20.9	9.9%	103	95.4	8.4%
Doanh thu HĐTC	3.64	2.61	39.3%	13.1	10.6	23.5%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**5.07**	**4.99**	**1.5%**	**18.5**	**17.1**	**8.5%**
LN thuần từ HĐKD	21.5	18.5	16.5%	98.0	89.0	10.2%
Lợi nhuận khác	**1.83**	**1.43**	**28.2%**	**6.65**	**5.73**	**16.2%**
LN trước thuế	23.4	20.0	16.9%	105	94.7	10.5%
Lợi nhuận sau thuế	**18.6**	**15.8**	**17.6%**	**83.5**	**75.5**	**10.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**18.6**	**15.8**	**17.6%**	**83.5**	**75.5**	**10.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	27.9	8.01	1.28	36.4	21.3	9.40
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	54.7	-0.26	-120	-22.0	43.7	-48.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	-50.0
Tiền đầu kỳ	41.1	124	131	12.7	27.2	92.2
Lưu chuyển tiền thuần	**82.6**	**7.75**	**-119**	**14.4**	**65.0**	**-89.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	124	131	12.7	27.2	92.2	2.63

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**330**	**308**	**7.2%**
Tài sản ngắn hạn	298	274	9.0%
Tiền và tương đương tiền	2.63	131	-98.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	277	131	112%
Phải thu ngắn hạn	13.9	8.84	57.4%
Hàng tồn kho	0.01	0.10	-88.1%
Tài sản ngắn hạn khác	4.31	2.57	67.6%
Tài sản dài hạn	**31.5**	**34.1**	**-7.5%**
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	29.2	33.1	-11.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.74	0.59	195%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.57**	**0.41**	**36.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	43.6	42.0	3.7%
Nợ ngắn hạn	**39.5**	**38.0**	**4.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.89	0.19	371%
Nợ dài hạn	4.10	4.07	0.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**286**	**266**	**7.7%**
Vốn chủ sở hữu	**286**	**266**	**7.7%**
Vốn điều lệ	30.0	25.0	20.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)